TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS-ST
Ngày: 07-7-2023
V/v "Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích T

2. Ông Nguyễn Văn Còn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc "Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Q Th, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà A, Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

1.2 Ông Nguyễn Phú Q, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số nhà B Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

1.3 Bà Nguyễn Th T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số nhà C, HMĐ, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phú Q, bà Nguyễn Thanh T là ông Nguyễn Quốc Th, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà A, Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2023). (Có mặt)

2. Bị đơn có yêu cầu phản tố: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số nhà D, Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số nhà E, Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2023 và đơn khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 04/4/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các nguyên đơn là ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Quốc Th và bà Nguyễn Thị Thanh T; Đồng thời ông Nguyễn Q Th là người đại diện theo ủy quyền cho ông Q và bà T thống nhất trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Ông và ông Nguyễn Phú Q, bà Nguyễn Thanh T là con ruột của ông Nguyễn Văn Tới (chết năm 2020) và bà Nguyễn Thị Nghề. Cha mẹ của các ông, bà đã ly hôn từ năm 2013 theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2013/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Trước đây cha của ông, bà (ông Tới) có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 209, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.761m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp 4, xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 015286, số vào sổ cấp GCN CS 11010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn Tới vào ngày 16/4/2018. Nguồn gốc thửa đất nêu trên là do ông Tới nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Nghề theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực vào ngày 20/3/2018. Khi các ông, bà làm thủ tục để thực hiện quyền thừa kế di sản do ông Nguyễn Văn Tới chết để lại đối với thửa đất số 209 nêu trên thì ông,

bà có làm thủ tục mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông nguyễn Văn Tới tại Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Truyền Th huyện Tân Trụ theo quy định của pháp luật thì bà Nguyễn Thị L đến Ủy ban nhân dân xã Tân Phước Tây thông báo là đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tới. Các ông, bà không biết trước khi chết ông Tới có vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị L hay không và mượn số tiền là bao nhiêu nhưng hiện tại thì bà L đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 209, tờ bản đồ số 16 của ông Tới. Ông, bà có yêu cầu bà L trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để các ông, bà thực hiện việc đăng ký kê khai di sản của ông Tới chết để lại nhưng bà L không trả. Sau đó, ông có gửi đơn đến Ủy ban nhân xã Tân Phước Tây để giải quyết nhưng không thành. Tại phiên tòa, bà L và chồng là ông Nguyễn Văn Ch xác định cả hai đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tới nên ông và ông Nguyễn Phú Q, bà Nguyễn Th T là hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn Tới yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Ch chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất và trả lại cho ông và ông Nguyễn Phú Q, bà Nguyễn Th T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 015286, số vào sổ cấp GCN CS 11010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn Tới vào ngày 16/4/2018 đối với thửa đất số 209, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.761m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp 4, xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Trường hợp cha của các ông, bà là ông Nguyễn Văn Tới trước khi chết có vay tiền của bà L, nếu bà L đưa ra được tài liệu chứng cứ, chứng minh có việc ông Tới mượn tiền của bà L với số tiền 80.000.000 đồng thì các ông, bà đồng ý trả tiền cho bà L.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị L có yêu cầu phản tố trình bày: Vào ngày 01/12/2014, ông Nguyễn Văn Tới (tên gọi khác là Ba Mít) có mượn của vợ chồng bà số tiền 50.000.000 đồng để trả tiền lãi ngân hàng. Đến năm 2018, ông Tới có giao cho bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 209, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.761m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại Ấp 4, xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, số CN 015286, số vào sổ cấp GCN CS 11010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn Tới vào ngày 16/4/2018. Năm 2019, ông Tới bị bệnh nặng và tiếp tục mượn của bà số tiền 30.000.000

đồng. Tổng cộng số tiền ông Tới mượn của bà là 80.000.000 đồng. Khi bà cho ông Tới mượn tiền, bà giao tiền trực tiếp cho ông Tới. Do tin tưởng nên hai bên không làm giấy tờ gì, không có thỏa thuận lãi suất, khi nào có tiền thì ông Tới sẽ trả lại bà. Đến năm 2020, ông Tới chết, ông Nguyễn Q Th là con ruột của ông Tới có đến nhà bà để yêu cầu bà trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đồng ý trả cho bà số tiền 80.000.000 đồng chia làm lần cụ thể: Ông Th trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng trước, còn lại 30.000.000 đồng khi nào quy hoạch đất xong thì ông Th trả nhưng bà không đồng ý, bà yêu cầu Th trả một lần nhưng ông Th không đồng ý. Tại phiên tòa, bà xác nhận là bà và ông Ch đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tới và số tiền cho ông Tới vay là tiền của bà và ông Ch.

Theo yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Q Th, ông Nguyễn Phú Q, bà Nguyễn Th T thì bà không đồng ý. Đồng thời, bà có yêu cầu phản tố: Yêu cầu những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Tới là Nguyễn Q Th, ông Nguyễn Phú Q, bà Nguyễn Th T trả cho bà số tiền 80.000.000 đồng, khi nào trả tiền xong thì bà sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Ch trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị L thống nhất với lời trình bày của bà L. Tiền cho ông Tới vay là tiền của vợ chồng ông, bà. Hiện tại, bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tới do ông và bà L đang giữ. Ngoài ra, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ và các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Tòa án thu thập, lời trình của các đương sự tại phiên tòa, nguyên đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bị đơn, thấy rằng: Tại phiên tòa, Bà L và ông Ch thừa nhận đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên của ông Tới. Bà L và ông Ch không chứng minh được việc giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tới thông qua hợp đồng nào, không có

đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định, nên việc bà L và ông Ch giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là không có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Khoản 16 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013 quy định: "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất". Tại khoản 2 Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại". Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bà L và ông Ch phải chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất và có trách nhiệm trả lại cho ông Th, ông Q, bà T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Đối với yêu cầu phản tố của bà L: Yêu cầu những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Tới là Nguyễn Q Th, ông Nguyễn Phú Q, bà Nguyễn Th T trả cho bà số tiền 80.000.000 đồng, khi nào trả tiền xong thì bà sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị L trình bày có cho ông Nguyễn Văn Tới vay ngày 01/12/2014 số tiền 50.000.000 đồng. Đến năm 2018 ông Tới có giao cho bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 209, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.761m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp 4, xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, số CN 015286, số vào sổ cấp GCN CS 11010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn Tới vào ngày 16/4/2018. Năm 2019, ông Tới tiếp tục mượn của bà số tiền 30.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông Tới mượn của bà là 80.000.000 đồng. Hai bên không làm văn bản xác nhận số tiền vay. Hiện nay, ông Tới đã chết và bà L không cung cấp được văn bản chứng minh về việc có cho ông Tới mượn số tiền 80.000.000 đồng mà chỉ đưa hai người làm chứng để chứng minh cho việc bà L có cho ông Tới mượn tiền là không phù hợp. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất; đồng thời trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 015286, số vào sổ cấp GCN CS 11010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn Tới vào ngày 16/4/2018 đối với thửa đất số 209, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.761m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại Ấp 4, xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Đồng thời, bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu các nguyên đơn phải thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông Tới chết để lại với số tiền yêu cầu là 80.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 615 của Bộ luật Dân sự, nội dung tranh chấp cụ thể trong vụ án này là "Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất, yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại". Bà L đang cư trú tại xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xác định tư các tham gia tố tụng của đương sự: Do ông Nguyễn Văn Tới chết nên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì cha, mẹ ruột của ông Tới là ông Nguyễn Văn Phiên và bà Ngô Thị Sô đã chết; Vợ của ông Tới là bà Nguyễn Thị Nghề đã ly hôn vào năm 2013. Do đó, Tòa án xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Tới chỉ gồm có các con là: ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Quốc Th và bà Nguyễn Thị Thanh T cùng đứng đơn kiện nên Tòa án xác định là nguyên đơn trong vụ án này.

Về nội dung tranh chấp

[3] Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất; Đồng thời, yêu cầu bà L và ông Ch phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 015286, số vào sổ cấp GCN CS

11010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn Tới vào ngày 16/4/2018 đối với thửa đất số 209, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.761m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại Ấp 4, xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nhưng bị đơn không đồng ý. Đồng thời, bị đơn có yêu cầu phản tố buộc hàng thừa kế của ông Tới là ông Th, ông Q và bà T phải trả lại cho bị đơn số tiền do ông Tới chết đã mượn là 80.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Q Th và bà Nguyễn Th T về việc yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thấy rằng: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 015286, số vào sổ cấp GCN CS 11010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn Tới vào ngày 16/4/2018 đối với thửa đất số 209, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.761m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp 4, xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Do ông Nguyễn Văn Tới chết nên hàng thừa kế của ông Tới xác định gồm các con là ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Q Th và bà Nguyễn Thị Th T đã tiến hành thực hiện việc kê khai di sản của ông Tới để lại theo quy định của pháp luật. Do không có biết bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tới ở đâu để làm thủ tục kê khai di sản thừa kế nên các hàng thừa kế của ông Tới đã nhờ Ủy ban nhân dân xã tiến hành làm thủ tục thông báo niêm yết công khai về việc mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tới theo Giấy xác nhận của Trung tâm Văn hóa thông tin và truyền thông huyện Tân Trụ ngày 24/5/2021. Sau khi thông báo được phát đi thì bà Nguyễn Thị L có đến Ủy ban nhân dân xã thông báo là đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tới do ông Tới trước đây có vay tiền của bà L và ông Tới có giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tới đứng tên cho bà L giữ để tạo sự tin tưởng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà L xác định bà L và ông Ch đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tới khi nào ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Q Th và bà Nguyễn Thị Th T là hàng thừa kế của ông Tới trả lại số tiền 80.000.000 đồng mà ông Tới đã vay thì bà L và ông Ch sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Q Th và bà Nguyễn Th T không đồng ý.

Tại khoản 16 Điều 3 của Luật đất đai năm 2013 quy định: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà

ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất...” Tại khoản 1 Điều 169 của Luật Đất đai năm 2013 có quy định người nhận quyền sử dụng đất như sau:

“....d) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được nhận chuyển quyền sử dụng đất thông qua nhận thừa kế quyền sử dụng đất;...”.

Theo quy định thủ tục hành chính đối với việc thực hiện quyền nêu trên thì người sử dụng đất phải nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, việc bà L và ông Ch giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tới và không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tới đã chết khi không được sự đồng ý của các hàng thừa kế của ông Tới là ông Th, ông Q và bà T là đang cản trở đến quyền của người nhận chuyển quyền sử dụng đất của các hàng thừa kế của ông Tới được pháp luật bảo vệ theo quy định tại các Điều 12, Điều 166, Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó, người sử dụng đất được nhà nước bảo vệ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về nhận chuyển quyền sử dụng đất của mình. Vì vậy, việc ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Q Th và bà Nguyễn Th T khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị L chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, đồng thời yêu cầu bà L và ông Ch trả lại bản chính giấy chứng nhận quyến sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Tới cho ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Q Th và bà Nguyễn Thị Th T là có cơ sở và phù hợp với các quy định của pháp luật đã được Hội đồng xét xử nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Q Th và bà Nguyễn Th T thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông Nguyễn Văn Tới đã chết để lại: Bà L xác định cho ông Tới vay tiền nhiều lần. Cụ thể: Ngày 01/12/2014, bà L cho ông Tới vay 50.000.000 đồng để trả lãi cho Ngân hàng. Đến năm 2019, ông Tới bệnh nên có vay của bà L thêm 30.000.000 đồng. Tổng cộng, ông Tới vay của bà L là 80.000.000 đồng nhưng chỉ thỏa thuận miệng không có lập giấy vay tiền và khi nào ông Tới có tiền thì trả cho bà L, bà L chỉ đưa ra hai người làm chứng là bà Bùi Thị Kim Pha và ông Mai Văn An để chứng minh cho việc ông Tới có vay tiền của bà L. Đồng thời, bà L cho rằng khi ông Tới chết thì ông Th có đến nhà bà L để thương lượng trả số tiền nợ 80.000.000 đồng của ông Tới vay của bà L nhưng bà L không có chứng cứ nào chứng minh có sự việc nêu trên và ông Th cũng không thừa nhận. Xét thấy, bà L khởi kiện phản tố yêu cầu hàng thừa kế của ông Tới phải có nghĩa vụ trả lại cho

bà L số tiền mà ông Tới vay của bà L là 80.000.000 đồng nhưng bà L không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh có việc ông Tới vay số tiền 80.000.000 đồng của bà L, chỉ đưa hai người làm chứng để xác định có việc ông Tới vay tiền của bà L là không phù hợp và các nguyên đơn cũng không đồng ý trả số tiền nêu trên. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bà L. Đồng thời, việc bà L, ông Ch giữ bản chính giấy chứng nhận của ông Tới nhưng không chứng minh được việc giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tới thông qua hợp đồng nào, không có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định, nên việc bà L và ông Ch giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là không có căn cứ theo quy định của pháp luật. Do đó, như phân tích nêu trên và tại đoạn [4], buộc bà L và ông Ch phải trả lại cho ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Q Th và bà Nguyễn Th T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tới.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Q Th và bà Nguyễn Th T được chấp nhận và phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho yêu cầu khởi kiện phản tố của bà L không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị L được miễn nộp án phí. Hoàn trả cho ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Q Th và bà Nguyễn Th T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 169, Điều 463, Điều 469, Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 12, Điều 166, Điều 169, Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Q Th và bà Nguyễn Th T về việc "Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất, yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất " đối với bà Nguyễn Thị L

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Ch phải chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất và trả lại cho ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Quốc Th và bà Nguyễn Thanh T 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 015286, số vào sổ cấp GCN CS 11010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn Tới vào ngày 16/4/2018 đối với thửa đất số 209, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.761m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại Ấp 4, xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

1.2 Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi hoặc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Q Th và bà Nguyễn Th T thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Nguyễn Văn Tới chết để lại đối với số tiền vay 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1 Bà Nguyễn Thị L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Hoàn trả lần lượt số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) cho ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Quốc Th và bà Nguyễn Thanh T các theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003352, số 0003351 và số 0003353 cùng ngày 04/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương